



## TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCP

Địa chỉ: Tầng 20, Tòa nhà Mipec, 229 Tây Sơn – Quận Đống Đa – Hà Nội  
Điện thoại: (043) 8641212 Fax: (043) 8642249  
Website: www.pgas.petrokimex.com.vn

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

## Năm 2018

### I. Thông tin chung

#### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Tổng công ty Gas Petrokimex – CTCP.**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101447725, do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà nội cấp đăng ký lần đầu ngày 14/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16, ngày 06/7/2017.
- Vốn điều lệ: 603.426.380.000 đồng
- Địa chỉ: Tầng 20, Tòa nhà Mipec, 229 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại: (024) 38 641 212; (024) 38 642 243
- Số fax: (024) 38 642 249
- Website: www.pgas.petrokimex.com.vn
- Mã cổ phiếu: PGC

#### Quá trình hình thành và phát triển

Giai đoạn từ năm 1998 trở về trước, các Công ty xăng dầu trực thuộc Tổng công ty xăng dầu Việt Nam đều hoạt động kinh doanh Gas thông qua các Xí nghiệp Gas trực thuộc. Từ năm 1999 trở đi, nền kinh tế đất nước phát triển mạnh, nhu cầu sử dụng Gas trong công nghiệp và dân dụng tăng mạnh và trên thị trường đã hình thành ngành kinh doanh Gas độc lập với tốc độ tăng trưởng của thị trường khá cao; Trước tình hình đó, Tổng công ty xăng dầu Việt Nam đã quyết định tách bộ phận kinh doanh Gas thành đơn vị kinh doanh độc lập để chuyên doanh mặt hàng này nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh trong toàn công ty; theo đó ngày 25/12/1998, Bộ trưởng Bộ Thương Mại đã ký quyết định số 1653/QĐ-BTM thành lập Công ty Gas Petrokimex trực thuộc Tổng công ty xăng dầu Việt Nam. Công ty Gas là doanh nghiệp Nhà nước có tư cách pháp nhân, thực hiện hạch toán độc lập, có con dấu riêng, có tài khoản tiền Việt Nam và tài khoản ngoại tệ tại ngân hàng.

- Ngày 3/12/2003, Bộ trưởng Bộ Thương mại đã ký quyết định số 1669/2003/QĐ-BTM chuyển Công ty Gas thành Công ty Cổ phần Gas Petrokimex (PGC).

- Ngày 14/01/2004, Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103003549 với vốn điều lệ ban đầu là: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn).
- Năm 2006, Công ty đã phát hành thành công 5.000.000 cổ phần tương ứng với 50 tỷ đồng mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/CP. Nâng tổng vốn điều lệ lên thành 200.000.000.000 đồng (hai trăm tỷ đồng).
- Ngày 24/11/2006, Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán TP.HCM theo quyết định số 65/GPNY-UBCK ngày 20/10/2006 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp, mã chứng khoán là PGC với 20.000.000 cổ phần mệnh giá 10.000 đ/CP được niêm yết.
- Năm 2007, Công ty đã phát hành và niêm yết thành công 5.000.000 cổ phần tương ứng với 50 tỷ đồng mệnh giá cổ phiếu 10.000 đ/CP. Nâng tổng vốn điều lệ lên thành 250.000.000.000 đồng (hai trăm năm mươi tỷ đồng).
- Năm 2009, Công ty đã phát hành tăng vốn và niêm yết thành công 1.499.823 cổ phần tương ứng với 14.998.230.000 đồng mệnh giá cổ phiếu 10.000 đ/CP. Nâng tổng vốn điều lệ lên thành 264.998.230.000 đồng (hai trăm sáu mươi bốn tỷ, chín trăm chín mươi tám triệu, hai trăm ba mươi nghìn đồng).
- Năm 2011, Công ty đã phát hành tăng vốn và niêm yết thành công 9.746.876 cổ phần tương ứng với 97.468.760.000 đồng mệnh giá cổ phiếu 10.000 đ/CP. Nâng tổng vốn điều lệ lên thành 344.466.990.000 đồng (ba trăm bốn mươi bốn tỷ, bốn trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng).
- Ngày 05/02/2013, Công ty chính thức đổi tên thành Tổng công ty Gas Petrolimex-CTCP theo giấy đăng ký kinh doanh số 0101447725, do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
- Trong năm 2013, Tổng công ty đã phát hành tăng vốn và niêm yết thành công 15.840.804 cổ phần tương đương với 158.408.040.000 đồng mệnh giá cổ phiếu 10.000 đ/CP. Nâng tổng vốn điều lệ lên thành 502.875.030.000 đồng (năm trăm linh hai tỷ, tám trăm bảy mươi lăm triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng).
- Năm 2015, Tổng công ty đã phát hành tăng vốn thành công 10.055.135 cổ phần tương đương với 100.551.350.000 đồng mệnh giá cổ phiếu 10.000 đ/CP. Nâng tổng vốn điều lệ lên thành 603.426.380.000 đồng (sáu trăm linh ba tỷ, bốn trăm hai mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng).
- Năm 2016, Tổng công ty đã niêm yết thành công số cổ phần đã phát hành thêm năm 2015: 10.055.135 cổ phần. Tổng số cổ phần niêm yết đến nay là 60.342.638 cổ phần.

## 2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

### ❖ **Ngành nghề kinh doanh:**

- **Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;**
- **Kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện;**

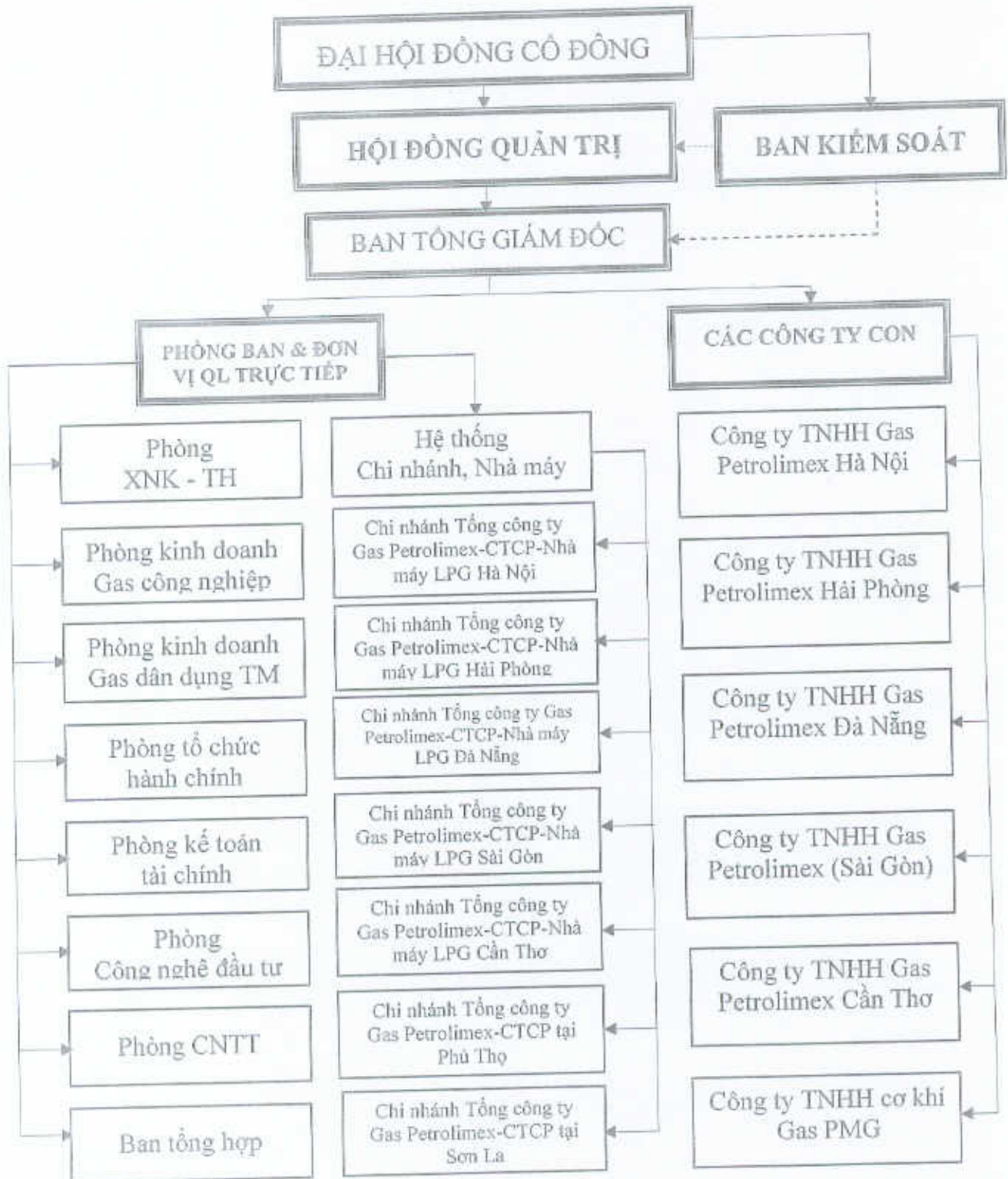
- Tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng theo qui định của pháp luật;
- Kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.
- Dịch vụ thương mại;
- Kinh doanh địa ốc và bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá)

Hoạt động kinh doanh Gas là hoạt động chủ yếu của Tổng công ty. Doanh thu từ hoạt động này chiếm trên 90% doanh thu của Tổng công ty. Tổng công ty hoạt động kinh doanh trên toàn quốc với hệ thống các Công ty con 100% vốn và các chi nhánh, cửa hàng trực thuộc. Tổng Công ty cũng cung cấp ra thị trường các thiết bị và phụ kiện được sử dụng với Gas như bình gas, van bình, bồn chứa Gas.

- ❖ Địa bàn kinh doanh: Rộng khắp các tỉnh, thành trên cả nước.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

❖ Cơ cấu tổ chức bộ máy:



#### Các công ty con, công ty liên kết:

- **Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội.**
  - Địa chỉ : 775 Giải Phóng - phường Giáp Bát, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội
  - Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;
  - Vốn điều lệ thực góp: 20.000.000.000 VNĐ
  - Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty: 100%.
- **Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng.**
  - Địa chỉ : Tầng 4 toà nhà TD Business Center, Lô 20A đường Lê Hồng Phong , P.Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP Hải Phòng
  - Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;
  - Vốn điều lệ thực góp: 30.000.000.000 VNĐ
  - Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty: 100%.
- **Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng.**
  - Địa chỉ : Số 122 Đường 2 tháng 9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
  - Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;
  - Vốn điều lệ thực góp: 40.000.000.000 VNĐ
  - Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty: 100%.
- **Công ty TNHH Gas Petrolimex (Sài Gòn).**
  - Địa chỉ : Số 322 Điện Biên Phủ, P22, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh.
  - Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;
  - Vốn điều lệ thực góp: 70.000.000.000 VNĐ
  - Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty: 100%.
- **Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ.**
  - Địa chỉ: Số 110 Đường CMT8 - TP Cần Thơ
  - Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;
  - Vốn điều lệ thực góp: 15.000.000.000 VNĐ
  - Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty: 100%.
- **Công ty TNHH Cơ Khí gas PMG.**
  - Địa chỉ: Tổng kho xăng dầu Nhà Bè, TT Nhà bè, Huyện Nhà Bè, TP. HCM.
  - Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng bình gas.
  - Vốn điều lệ thực góp: 22.524.919.267
  - Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty: 51%.

#### 4. Định hướng phát triển

- ❖ Các mục tiêu chủ yếu của Tổng Công ty.

- Phân đầu tốc độ tăng trưởng sản lượng gas bình quân hàng năm từ 03%-05% và nếu có thể cao hơn khi có cơ hội. Lợi nhuận tăng trưởng một cách bền vững đảm bảo mức chi trả cổ tức cho Cổ đông và có lợi nhuận tích lũy để tái đầu tư phát triển.
- Tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả kinh doanh hoặc tái cấu trúc lại Tổng công ty tại các đơn vị mà Tổng công ty đã đầu tư. Tìm kiếm lợi nhuận và phát triển loại hình kinh doanh mới mà trước mắt là tận dụng lợi thế sẵn có của Tổng công ty để phát triển loại hình kinh doanh này.
- Phân đầu xây dựng cơ cấu tài chính hợp lý, an toàn và hiệu quả hơn.
- Công tác đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh luôn được đảm bảo trên toàn Tổng công ty.
- ❖ Chiến lược phát triển trung và dài hạn.
- Chiến lược thị trường:

Trong bối cảnh kinh tế hiện nay của nước ta, việc hội nhập với thế giới ngày càng cần thiết, đa dạng và tất yếu, chính vì vậy Tổng công ty nhận định việc mở rộng thị trường là điều kiện cần thiết để phát triển doanh nghiệp. Trong những năm tới Tổng công ty sẽ tiếp tục nâng cao năng lực sản xuất, đầu tư hệ thống kho tồn chứa và phân phối tại các Cảng, kho đầu mối, nâng cao năng lực quản trị hàng dự trữ, củng cố khách hàng truyền thống và phát triển khách hàng mới, phân tích và tìm kiếm vùng thị trường còn trống. Duy trì hướng phát triển theo hướng đa ngành nghề và trực chính là kinh doanh Gas để tạo tiền đề cho sự phát triển mạnh của Tổng công ty sau này.

Nghiên cứu và triển khai tái cấu trúc Tổng công ty để nâng cao khả năng khai thác các nguồn lực, hệ thống kho đầu mối.... phù hợp với chiến lược thị trường.

➤ Chiến lược phân phối:

Đặc thù kinh doanh của Tổng công ty chủ yếu là lĩnh vực thương mại nên việc tiếp tục hoàn thiện và phát triển đa dạng các kênh phân phối tại các vùng thị trường trọng điểm cũng như kênh phân phối được thiết lập tại hầu hết các tỉnh, thành phố trên cả nước. Tổng công ty xác định Gas là sản phẩm đặc thù cần đảm bảo an toàn trong khai thác, vận chuyển và sử dụng. Chính vì vậy, ngoài việc bán hàng đơn thuần, Tổng công ty gắn công tác dịch vụ kỹ thuật và công tác dịch vụ sau bán hàng để khẳng định Gas Petrolimex chính là sự lựa chọn tin cậy của khách hàng.

➤ Chiến lược giá:

Thị trường khí dầu mỏ hoá lỏng tại Việt Nam trong vài năm trở lại đây là một trong những lĩnh vực cạnh tranh ngày càng gay gắt, trong đó bao gồm cả cạnh tranh về giá. Mặc dù vậy, chiến lược giá của Tổng công ty luôn xác định mức giá phù hợp với thị trường trên cơ sở khả năng tài chính của Tổng công ty để cùng một số Hãng Gas lớn khác bình ổn thị trường nhằm đảm bảo hài hoà các lợi ích giữa Người tiêu dùng và Nhà phân phối.

➤ Chiến lược nguồn nhân lực:

Nhân tố con người là nguồn lực tài chính vô hình góp phần quan trọng trong việc quyết định sự thành công, phát triển của doanh nghiệp. Do đó công tác quản trị nguồn

nhân lực của Tổng công ty tập trung vào:

- + Phát triển nguồn nhân lực trẻ thông qua kế hoạch tuyển dụng và đào tạo nhằm tạo ra động lực phát triển, từng bước kế thừa và tiếp thu những kinh nghiệm từ đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm.
- + Thường xuyên đào tạo để nâng cao tay nghề, trình độ của đội ngũ nhân viên, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý.
- + Từng bước cải tiến cơ cấu tổ chức, tiền lương, tiền thưởng hợp lý nhằm khuyến khích tăng năng suất lao động cũng như tạo ra môi trường thuận lợi để mỗi cán bộ công nhân viên tự khẳng định mình.
- + Tạo điều kiện để mọi người lao động trong Tổng công ty đều có cơ hội sở hữu cổ phần của công ty nhằm phát huy tinh thần làm chủ, gắn bó thực sự lâu dài với Tổng công ty.

## 5. Các rủi ro

### ➤ Rủi ro về biến động giá

Sản phẩm kinh doanh của PGC là các chế phẩm từ dầu mỏ, là nguồn nguyên liệu đang dần cạn kiệt và bị điều tiết về giá cả và sản lượng bởi tổ chức OPEC. Do vậy, sự biến động khó lường về giá dầu mỏ trong năm và phụ thuộc nguồn cung ở nước ngoài đã ảnh hưởng rất lớn đến giá thành sản phẩm, nhưng dầu ra lại không thể thay đổi giá nhanh như dầu vào do bị sức ép về mặt bằng giá bán trên thị trường của khách hàng, đối thủ cạnh tranh. Mặt khác, biến động khó lường về giá cũng là yếu tố rủi ro rất lớn về chênh lệch tồn kho đối với doanh nghiệp kinh doanh đầu mối như PGC.

### ➤ Rủi ro về biến động tỷ giá

PGC là một doanh nghiệp kinh doanh mà đầu vào phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu. Biến động về tỷ giá sẽ tác động rất lớn đến chi phí đầu vào. Do vậy, kết quả kinh doanh phụ thuộc rất nhiều vào chính sách điều hành tỷ giá của Nhà nước cũng như những biến động về nguồn cung và giá dầu mỏ trên thế giới.

### ➤ Rủi ro về pháp luật:

Là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với lĩnh vực kinh doanh khí hóa lỏng chịu sự ảnh hưởng bởi Luật Doanh nghiệp, Luật thương mại, Luật Chứng khoán, Luật dầu khí, Luật phòng cháy chữa cháy,... và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Hệ thống pháp luật về kinh doanh trong lĩnh vực này hiện nay nhìn chung còn chưa thực sự nhất quán, chông chéo, áp dụng vào thực tế còn nhiều bất cập.

### ➤ Rủi ro về khí hậu:

Sự thay đổi của khí hậu, mùa trong năm ảnh hưởng ít nhiều đến sản lượng tiêu thụ gas hóa lỏng LPG của PGC.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- ❖ Kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty năm 2018 được thể hiện qua một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2017	KH 2018	TH 2018	So sánh (%)	
						TH 2017	KH 2018
1	Tổng doanh thu thuần hợp nhất	Triệu đ	2.958.491	2.771.371	3.261.120	110%	118%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Triệu đ	190.706	190.000	192.327	101%	101%
3	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Triệu đ	151.067	152.020	152.915	101%	101%
4	Tỷ suất LN sau thuế /vốn điều lệ	%	25%	25%	25%	101%	101%
5	Tỷ lệ Cổ tức/vốn góp	%	12%	Tối thiểu 12%	(*)		

(Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018. (\*) tỷ lệ cổ tức năm 2018 sẽ được công bố cụ thể trong Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2019 (Đại hội đồng cổ đông năm 2019 diễn ra ngày 19/4/2019))

Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 192,3 tỷ đồng, đạt 101% so với kế hoạch năm 2018 và bằng 101% so với năm 2017.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### ❖ Ban điều hành:

- 1) Ông Vũ Hồng Khánh: UV HĐQT kiêm Tổng giám đốc.  
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Đại học TCKT  
 - Số cổ phần nắm giữ: 8.724
- 2) Ông Phạm Thanh Sơn: Phó Tổng Giám đốc.  
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế LĐTTL, ĐHKQTĐ  
 - Số cổ phần nắm giữ: 2
- 3) Ông Nguyễn Khắc Trí: Phó Tổng Giám đốc.  
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư, ĐH Bách Khoa HN.  
 - Số cổ phần nắm giữ: 37.084
- 4) Ông Nguyễn Hữu Quang: Phó Tổng Giám đốc.  
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh  
 - Số cổ phần nắm giữ: 0
- 5) Ông Nguyễn Đăng Công: Phó Tổng Giám đốc.  
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh  
 - Số cổ phần nắm giữ: 0



- 6) Bà Đỗ thị Vân Chi: Kế toán trưởng
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân
  - Số cổ phần nắm giữ: 0
- ❖ Những thay đổi trong ban điều hành: Tháng 11/2018, Tổng công ty bổ sung thêm một Phó Tổng giám đốc: Ông Nguyễn Đăng Công
- ❖ Số lượng cán bộ, nhân viên, chính sách đối với người lao động: được trình bày tại mục 6 - báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

#### a. Các công trình thực hiện:

Trong năm 2018, Tổng công ty đã triển khai hoàn thành các công trình trọng điểm, nâng cao công tác phục vụ và năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh trên toàn Tổng công ty an toàn thông suốt, tăng khả năng cạnh tranh của Tổng công ty với các đối thủ cạnh tranh cùng ngành: Công trình Trạm nạp LPG Suối đầu: Công trình được khởi công và hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2018 nhằm tăng lợi thế cạnh tranh với các hãng khác trên thị trường, ngày càng mở rộng và phát triển thị phần Gas Petrolimex trên địa bàn 3 tỉnh Khánh Hòa, Phú Yên, Ninh Thuận, hơn nữa giúp Tổng Công ty chủ động trong việc cung cấp nguồn hàng, giảm chi phí vận chuyển gas bình nếu phải nhận hàng từ trạm nạp Nhơn Hội (Bình Định) để phân phối cho thị trường này.

#### b. Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty con, công ty liên kết năm 2018:

##### ❖ Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2017	2018	So sánh (%)
1	Vốn điều lệ	20.000	20.000	100%
2	Doanh thu thuần	341.246	431.488	126%
3	Lợi nhuận sau thuế	20.948	16.709	80%
4	Tổng tài sản	87.428	101.266	116%

##### ❖ Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2017	2018	So sánh (%)
1	Vốn điều lệ	30.000	30.000	100%
2	Doanh thu thuần	551.279	589.673	107%
3	Lợi nhuận sau thuế	14.231	16.870	119%
4	Tổng tài sản	160.859	166.040	103%

❖ Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2017	2018	So sánh (%)
1	Vốn điều lệ	40.000	40.000	100%
2	Doanh thu thuần	512.461	589.152	115%
3	Lợi nhuận sau thuế	17.644	18.951	107%
4	Tổng tài sản	146.069	151.444	104%

❖ Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2017	2018	So sánh (%)
1	Vốn điều lệ	70.000	70.000	100%
2	Doanh thu thuần	638.048	728.773	114%
3	Lợi nhuận sau thuế	26.644	28.584	107%
4	Tổng tài sản	147.441	153.278	104%

❖ Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2017	2018	So sánh (%)
1	Vốn điều lệ	15.000	15.000	100%
2	Doanh thu thuần	198.488	221.103	111%
3	Lợi nhuận sau thuế	1.606	1.381	86%
4	Tổng tài sản	59.823	56.384	94%

❖ Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2017	2018	So sánh (%)
1	Vốn điều lệ	22.525	22.525	100%
2	Doanh thu thuần	236.914	170.188	72%
3	Lợi nhuận sau thuế	18.875	10.730	57%
4	Tổng tài sản	63.841	67.550	106%

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	So sánh (%)
Tổng giá trị tài sản	2.308.186	1.998.559	87%
Doanh thu thuần	2.958.491	3.261.120	110%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	179.924	185.127	103%
Lợi nhuận khác	10.782	7.200	67%
Lợi nhuận trước thuế	190.706	192.327	101%
Lợi nhuận sau thuế	151.067	152.915	101%
Tỷ lệ trả cổ tức	12%	(*)	

Ghi chú: (\*) tỷ lệ cổ tức năm 2018 sẽ được công bố cụ thể trong Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2019 (Đại hội đồng cổ đông năm 2019 họp ngày 19/4/2019).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,117	1,243
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,009	1,088
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,657	0,573
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,918	1,344
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	17,148	17,272
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,282	1,632
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,11%	4,69%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	19,09%	17,94%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	6,54%	7,65%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	6,08%	5,68%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần phát hành: 60.342.638 cổ phần (toàn bộ là cổ phần phổ thông)
- Số cổ phiếu quỹ: 3.353 cổ phần
- Số cổ phần đang lưu hành: 60.339.285 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

- ❖ Cơ cấu tỷ lệ sở hữu

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)
CD sở hữu trên 5% CP	31.604.299	52,37%	-	-	31.604.299	52,37%
CD sở hữu từ 1% đến 5% CP	11.401.067	18,89%	3.643.431	6,04%	15.044.498	24,93%
CD sở hữu dưới 1% CP	11.653.919	19,31%	2.039.922	3,38%	13.693.841	22,69%

❖ Cơ cấu vốn cổ đông:

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông Nhà nước	31.604.299	52,37%	-	-	31.604.299	52,37%
2. Cổ đông khác	23.054.986	38,21%	5.683.353	9,42%	28.738.339	47,63%
2.1 Cá nhân	17.603.126	29,17%	688.739	1,14%	18.291.865	30,31%
2.2 Tổ chức	5.451.860	9,03%	4.994.614	8,28%	10.446.474	17,31%

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có thay đổi.  
d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty

❖ Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Các nguyên vật liệu sử dụng đều được Tổng công ty khoán định mức.

❖ Tiêu thụ năng lượng

Sử dụng điện cho hoạt động sản xuất:

Đơn vị tính: triệu 1.000kw

STT	Đơn vị	2017	2018
1	Nhà máy LPG Hà Nội	465	432
2	Nhà máy LPG Hải Phòng	331	367
3	Nhà máy LPG Đà Nẵng	270	278
4	Nhà máy LPG Sài Gòn	204	326
5	Nhà máy LPG Cần Thơ	246	258

❖ Tiêu thụ nước:

- Nguồn cung cấp: Nguồn nước tại PGC được sử dụng là nguồn nước sạch của Công ty cấp thoát nước thuộc các tỉnh, thành phố nơi PGC có địa bàn hoạt động, dùng cho mục đích sản xuất (vệ sinh vô bình gas, vệ sinh máy móc, thiết bị nhà máy, phòng cháy chữa cháy...) và sinh hoạt (nấu ăn, vệ sinh, tưới cây...)

- Khối lượng nước thu thụ trong năm:

Đơn vị: m<sup>3</sup>

STT	Đơn vị	2017	2018
1	Nhà máy LPG Hà Nội	2.532	1.750
2	Nhà máy LPG Hải Phòng	2.009	2.668
3	Nhà máy LPG Đà Nẵng	3.373	3.636
4	Nhà máy LPG Sài Gòn	3.025	3.621
5	Nhà máy LPG Cần Thơ	594	917

*Biện pháp giúp tiết kiệm nguồn nước:* Để sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguồn nước, PGC đã tiến hành lắp đặt toàn bộ đồng hồ nước có kiểm định của đơn vị cấp nước thành phố cho tất cả các đơn vị sử dụng nước. Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống sử dụng nước và xử lý kịp thời nếu có các rò rỉ nước. Nâng công suất hệ thống máy móc rửa bình gas tiết kiệm nước. Có theo dõi thống kê hàng tháng, nhắc nhở tắt mở, sử dụng đúng mục đích và giáo dục ý thức tiết kiệm. Ngoài ra Tổng công ty đang theo dõi để khoán định mức chuẩn nước sử dụng từng nhà máy.

❖ *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:*

Tổng công ty luôn tuân thủ, không vi phạm các quy định pháp luật về môi trường và thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý môi trường địa phương. Hiện tại, toàn bộ các nhà máy, trạm nạp của Tổng công ty đều có các đề án bảo vệ môi trường chi tiết và được các sở tài nguyên và môi trường tại địa phương kiểm tra, đo đạc và phê duyệt.

❖ *Chính sách liên quan đến người lao động:*

Tổng số lao động của Tổng công ty (bao gồm cả Công ty con 100% vốn góp) đến thời điểm 31/12/2018 là 966 lao động, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện như sau:

Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ %
Trên đại học	30	3%
Đại học và Cao đẳng	507	52,6%
Trung cấp	94	9,7%
Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	317	32,8%
Phổ thông	18	1,9%
Tổng	966	100%

Thu nhập bình quân năm 2018 là 13,475 triệu đồng/người/tháng. Trong đó thu nhập bình quân người lao động là 13,087 triệu đồng/người/tháng, thu nhập bình quân người quản lý là 58,984 triệu đồng/người/tháng.

▪ *Chính sách đào tạo.*

Tổng công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với CBCNV như sau:

- ✓ Đối với lao động trực tiếp: Trên cơ sở mục tiêu chiến lược, tiêu chuẩn chức danh công việc, thiết kế khung đào tạo và tự tổ chức các chương trình đào tạo tại Tổng

công ty. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học.

- ✓ Đối với lao động tại các phòng chuyên môn nghiệp vụ: Tổng công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động tham gia học tập, nghiên cứu cả trong và ngoài nước về các ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của nhà nước... Những cán bộ công nhân viên do Tổng công ty cử đi học được thanh toán chi phí học tập và được hưởng lương theo kết quả học tập.

#### • Chính sách lương, thưởng

Tiếp tục hoàn thiện qui chế quản lý lao động và tiền lương làm cơ sở để định biên lao động và trả lương cho lao động tại đơn vị. Triển khai đồng bộ cơ chế khoán sâu, triệt để tới các đơn vị, bộ phận, người lao động trong toàn Tổng công ty, tạo áp lực để các đơn vị nâng cao hiệu quả sử dụng lao động, tận dụng các cơ hội để phát triển kinh doanh nâng cao năng suất lao động và cải thiện thu nhập cho người lao động. -

## II. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

### 1. Kết quả sản xuất kinh doanh

Mặc dù hoạt động sản xuất kinh doanh do ảnh hưởng lớn từ tình hình thế giới, từ kinh tế vĩ mô trong nước và môi trường kinh doanh không thuận lợi có ảnh hưởng đến thiệt hại chênh lệch giá hàng tồn kho nhưng với việc tăng cường công tác quản trị kiểm soát rủi ro, tranh thủ cơ hội giá tăng lợi nhuận từ hoạt động tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện năm 2018 của Tổng công ty đã đạt tương đối khả quan: doanh thu, lợi nhuận đều có sự tăng trưởng so với cùng kỳ. Để đạt được những kết quả khả quan như vậy là sự nỗ lực rất lớn của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên Tổng công ty, cụ thể thông qua các mặt:

- Tổng công ty tiếp tục thực hiện các chính sách linh hoạt trong khâu tạo nguồn để có được giá nhập mua cạnh tranh nhất (đa dạng hoá nguồn cung cấp, tính toán tỷ trọng mua nội/ nhập khẩu phù hợp với từng thời kỳ...). Bên cạnh đó, trong năm 2018 Tổng công ty tiếp tục khai thác được nguồn hàng nhập khẩu có mức giá cạnh tranh cao trong khu vực, từ đó giảm được giá vốn hàng nhập và nâng cao khả năng cạnh tranh trước các đối thủ cùng ngành.
- Tổng công ty luôn bám sát thị trường để có các chính sách phát triển thị trường phù hợp với từng vùng, từng kênh phân phối với các trọng tâm, trọng điểm cụ thể, đặc biệt là các chương trình phối hợp với các công ty xăng dầu thành viên của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam. Công tác PR, quảng cáo, quảng bá thương hiệu về chất lượng sản phẩm của Gas Petrolimex cũng được đẩy mạnh.
- Tiếp tục tăng cường công tác quản trị nội bộ để tiết giảm chi phí, quản trị rủi ro (giảm giá hàng tồn kho, rủi ro tỷ giá, công nợ...), khai thác triệt để các công cụ tài chính, quản trị tốt công tác quản lý vô bình, công tác vận tải, nhờ vậy đã giảm được chi phí kinh doanh bình quân so với cùng kỳ và góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, tinh giản bộ máy quản lý, ưu tiên tối đa cho lao động bán hàng; thường xuyên rà soát, đánh giá, hợp lý hóa các quy trình nghiệp vụ, trình độ chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng lao động; đổi mới cơ cấu, chất lượng lao động để từng bước nâng cao năng suất lao động góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm; thực hiện giao khoán tiền lương triệt để đến từng bộ phận, cá nhân người lao động; gắn chặt tiền lương với kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD, đảm bảo tiền lương là đòn bẩy kinh tế thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển mạnh mẽ và bền vững.
- Tiếp tục chú trọng công tác đầu tư cơ sở vật chất, quản lý kỹ thuật cũng như chất lượng hàng hóa nhằm đảm bảo sản xuất kinh doanh an toàn và cung cấp tới người tiêu dùng sản phẩm có chất lượng cao. Trên thị trường hiện nay, gas của Petrolimex luôn được khách hàng đánh giá là chất lượng đứng đầu và nhờ đó mức lãi gộp luôn được duy trì ở mức cao hơn so với thị trường.
- Tiếp tục chú trọng đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị doanh nghiệp, nhờ đó giúp nâng cao chất lượng của công tác quản trị nội bộ cũng như tính chính xác và kịp thời của các quyết định quản lý.

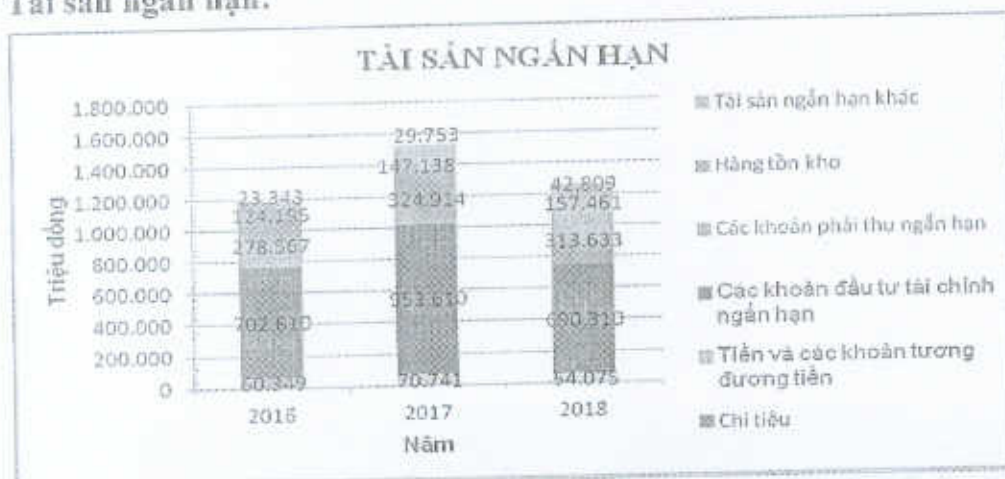
## 2. Tình hình tài chính

### ❖ Cơ cấu vốn

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chi tiêu	2016	2017	2018
<b>I</b>	<b>Tổng tài sản</b>	1.978.159	2.308.186	1.998.559
1	Tài sản ngắn hạn	1.189.064	1.526.156	1.258.288
2	Tài sản dài hạn	789.095	782.031	740.271
<b>II</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	1.978.159	2.308.186	1.998.559
1	Nợ phải trả	1.245.734	1.517.053	1.146.062
-	Nợ ngắn hạn	1.084.472	1.366.707	1.012.164
-	Nợ dài hạn	161.261	150.347	133.897
2	Vốn chủ sở hữu	732.425	791.133	852.497

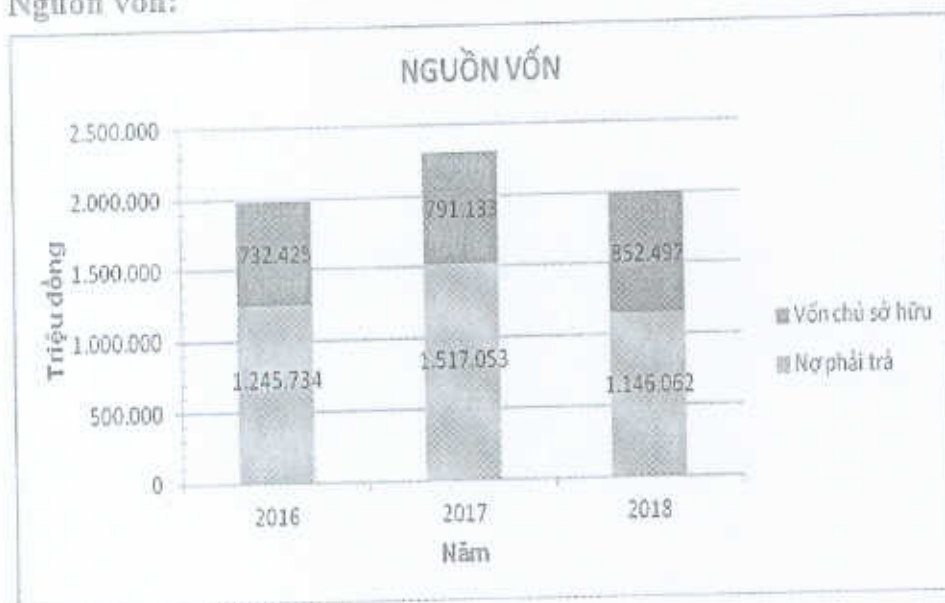
### ❖ Tài sản ngắn hạn:



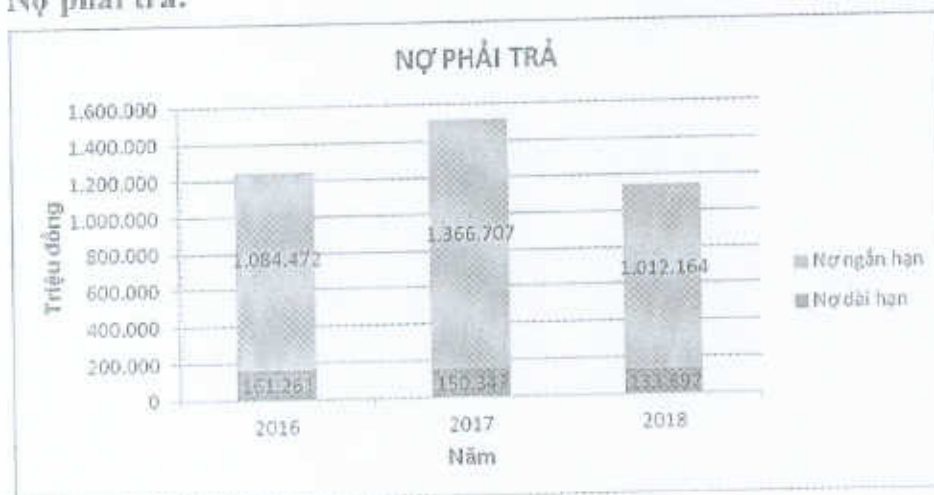
❖ **Tài sản dài hạn:**



❖ **Nguồn vốn:**



❖ **Nợ phải trả:**



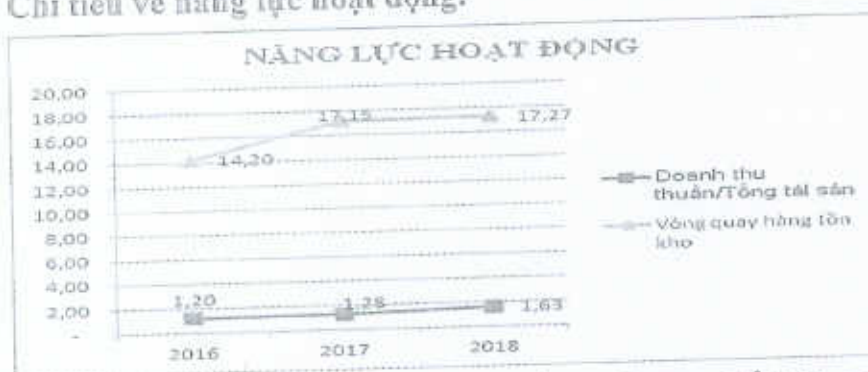
❖ **Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:**





Chỉ số về khả năng thanh toán ngắn hạn năm 2018 > 1, tăng dần qua các năm cho thấy Tổng công ty luôn đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

❖ **Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:**



Chỉ số về khả năng hoạt động của Tổng công ty thể hiện ngày càng hiệu quả hơn qua các năm.

❖ **Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:**



Các tỷ suất sinh lời tăng trưởng đều qua các năm cho thấy hoạt động kinh doanh của Tổng công ty ngày càng hiệu quả.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tiếp tục thực hiện định hướng mang tính chiến lược về việc tái cấu trúc, sắp xếp lại mô hình tổ chức theo hướng ưu tiên các nguồn lực để phát triển thị trường, tổ chức

quản lý kinh doanh theo hướng thống nhất về mô hình, thuận lợi trong việc tổ chức phát triển thị trường, giảm thiểu cạnh tranh nội bộ, Tổng công ty thường xuyên rà soát, đánh giá lại mô hình hoạt động, sắp xếp lại mạng lưới bán hàng để nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh doanh.

#### 4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

##### a. *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.*

- Hàng năm Tổng công ty đều lập và triển khai kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, đảm bảo quyền lợi, chế độ lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng cho người lao động đã cam kết tại Thỏa ước lao động tập thể đồng thời phù hợp với chính sách phát triển dài hạn của Tổng công ty.
- Năm 2018, không có tranh chấp về lao động và quyền lợi của người lao động đối với các chương trình, kế hoạch mà Tổng công ty đã đề ra. Quyền lợi của người lao động được đảm bảo. Người lao động đều muốn gắn bó, làm việc lâu dài tại Tổng công ty

##### b. *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.*

- Tổng công ty nhiệt tình tham gia các cuộc vận động ủng hộ, tham gia công tác xã hội - từ thiện. Tích cực vận động và nhận được sự tham gia rất nhiệt tình ủng hộ từ CB-NLĐ cho công tác xã hội, từ thiện, đóng góp cho các quỹ: Vì người nghèo, vì trẻ em khuyết tật, ủng hộ đồng bào lũ lụt, thiên tai, quỹ nạn nhân chất độc màu da cam, cụ thể như sau:
  - + Ủng hộ trẻ em và người tàn tật: 146 triệu đồng
  - + Ủng hộ gia đình có công với cách mạng: 14 triệu đồng
  - + Ủng hộ người nghèo: 24 triệu đồng
  - + Các hoạt động từ thiện khác: 286 triệu đồng.
  - + Tham gia hiến máu nhân đạo do Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Tập đoàn xăng dầu Việt nam tổ chức.
- Năm 2018, Tổng công ty nộp ngân sách nhà nước trên toàn hệ thống là 361 tỷ đồng (năm 2017 là 306 tỷ đồng)

### III. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

#### 1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty.*

Tổng kết năm 2018, Tổng công ty đạt được kết quả sản xuất kinh doanh khả quan. Tổng doanh thu thuần đạt 3.261 tỷ đồng, đạt 118% kế hoạch năm và bằng 110% thực hiện năm 2017; Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 192,3 tỷ đồng, bằng 101% kế hoạch năm và bằng 101% so với thực hiện năm 2017. Tiếp tục thực hiện định hướng mang tính chiến lược về việc tái cấu trúc, sắp xếp lại mô hình tổ chức theo hướng ưu

tiên các nguồn lực để phát triển thị trường, tổ chức quản lý kinh doanh theo hướng thống nhất về mô hình, thuận lợi trong việc tổ chức phát triển thị trường, giảm thiểu cạnh tranh nội bộ,... Tổng công ty thường xuyên rà soát, đánh giá lại mô hình hoạt động, sắp xếp lại mạng lưới bán hàng để nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh doanh. Tăng cường công tác quản lý hoạt động của các công ty con, các chi nhánh trực thuộc nhằm gia tăng sản lượng xuất bán, gia tăng thị phần và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật trong toàn Tổng công ty, nhờ đó công tác quản lý hàng hóa đã được cải thiện rõ rệt, không còn hiện tượng thiếu hàng tại các kho, trạm của Tổng công ty.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Năm 2018, những khó khăn của nền kinh tế thế giới và trong nước, biến đổi khí hậu phức tạp, thiên tai, dịch bệnh... đã có nhiều tác động tới tình hình quản trị kinh doanh của Tổng công ty. Nhận thức được những khó khăn mang đến từ nền kinh tế vĩ mô, khí hậu, Tổng công ty tiếp tục có những thay đổi về chính sách kinh doanh, chính sách tạo nguồn nhằm hạn chế tối đa những tác động tiêu cực của nền kinh tế; thực hiện cơ cấu nguồn hàng mềm dẻo, linh hoạt nhằm tạo lợi thế về sự ổn định nguồn hàng. Năm 2018, Tổng công ty đã có một kế quả kinh doanh khả quan, để có kết quả như vậy là sự cố gắng, nỗ lực không biết mệt mỏi của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Đại hội đồng cổ đông và nhiệm vụ do Hội đồng quản trị đề ra.

## **3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị.**

- Tiếp tục thực hiện rà soát, tái cấu trúc mô hình tổ chức Tổng công ty theo hướng ưu tiên nguồn lực cho phát triển thị trường;
- Kiên trì thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, ưu tiên phát triển mạng lưới bán hàng trực tiếp; ưu tiên gia tăng sản lượng gas bình, đặc biệt là gas bình dân dụng;
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đổi mới, nâng cao năng lực quản trị, điều hành, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo có phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới;
- Bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo sự phát triển bền vững của Tổng công ty và gia tăng lợi ích của cổ đông;
- Đảm bảo việc làm và thu nhập, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, công nhân và người lao động của Tổng công ty; tích cực thực hiện công tác an sinh xã hội.

## **IV. Quản trị công ty**

## 1. Hội đồng quản trị

### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Ghi chú
1	Trịnh Quang Vinh	Chủ tịch	0 CP	Không điều hành
2	Vũ Hồng Khánh	UV	8,724 CP	Điều hành
3	Nguyễn Quang Dũng	UV	0 CP	Không điều hành
4	Phan Phương Anh	UV	0 CP	Không điều hành
5	Trần Vũ Nam	UV	3.006.408 CP	Không điều hành

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT không có các tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Gas Petrolimex-CTCP, năm 2018 HĐQT đã tổ chức nhiều phiên họp dưới các hình thức khác nhau, từ họp tập trung đến các hình thức trực tuyến, hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Tại các phiên họp, trên cơ sở những báo cáo của Tổng giám đốc về tình hình hoạt động của Tổng công ty cũng như các giải pháp tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh trong từng giai đoạn để đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch được giao, các thành viên HĐQT đã đi sâu bàn bạc, phân tích để từ đó có những chỉ đạo sát với tình hình hoạt động của Tổng công ty thông qua nhiều hình thức đa dạng như chỉ đạo trực tiếp tại mỗi cuộc họp và/hoặc Nghị quyết sau mỗi cuộc họp. Các hoạt động cụ thể trong năm 2018 như sau:

#### ❖ Công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trên cơ sở những đánh giá, phân tích về tình hình kinh tế, xã hội ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh; những nỗ lực, phấn đấu cũng như kết quả đạt được trong năm 2017 của Tổng công ty, Hội đồng quản trị đã có những nhận định, đánh giá các nhân tố thuận lợi, những khó khăn; đồng thời có những chỉ đạo sát sao đối với Ban điều hành về việc triển khai xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 trình Đại hội đồng cổ đông. Sau khi được Đại hội cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị đã triển khai giao kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết cho Tổng công ty và các công ty TNHH Gas Petrolimex thành viên. Với quyết tâm phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được giao, Hội đồng quản trị đã luôn bám sát quá trình triển khai thực hiện kế hoạch của Tổng công ty. Tại từng phiên họp của Hội đồng quản trị, trên cơ sở báo cáo của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị đã phân tích, đánh giá và đưa ra những nhận định, chỉ đạo kịp thời nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh sát với tình hình thực tế của Tổng công ty và sự biến động của môi trường kinh doanh từ đó có những giải pháp, những chỉ đạo phù hợp trong các giai đoạn tiếp theo.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trong năm qua đạt được rất khả quan. Tổng doanh thu thuần hợp nhất đạt 3.261 tỷ đồng, đạt 118% kế hoạch năm và bằng 110% thực hiện năm 2017; Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 192,3 tỷ đồng, bằng 101% kế hoạch năm và bằng 101% so với thực hiện năm trước.

❖ *Công tác tổ chức và đổi mới mô hình hoạt động*

Thực hiện định hướng mang tính chiến lược về việc tái cấu trúc, sắp xếp lại mô hình tổ chức theo hướng ưu tiên các nguồn lực để phát triển thị trường, tổ chức quản lý kinh doanh theo hướng thống nhất về mô hình, thuận lợi trong việc tổ chức phát triển thị trường, giảm thiểu cạnh tranh nội bộ,... Hội đồng quản trị thường xuyên chỉ đạo rà soát, đánh giá mô hình hoạt động, sắp xếp lại mạng lưới bán hàng để nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh doanh. Cụ thể:

- Tiếp tục rà soát trình độ chuyên môn nghiệp vụ người lao động, bố trí, sắp xếp lại lực lượng lao động hiện có, phù hợp với tiêu chuẩn chức danh và tiêu chuẩn định biên theo nguyên tắc tinh giản bộ máy quản lý, ưu tiên tối đa cho lao động bán hàng, từng bước thay đổi hợp lý cơ cấu, chất lượng lao động.
- Thực hiện bổ nhiệm thêm 01 Phó Tổng giám đốc; bổ nhiệm lại 01 chủ tịch kiêm giám đốc công ty TNHH Gas Petrolimex thành viên;
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy nhân sự, sắp xếp lại lao động hợp lý; hoàn thiện các chính sách tiền lương, chính sách đãi ngộ, khen thưởng hợp lý đối với người lao động; xây dựng chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh trong giai đoạn tới.
- Đẩy mạnh công tác phối hợp, hỗ trợ các công ty xăng dầu thành viên của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam để mở rộng mạng lưới kinh doanh, gia tăng thị phần của Tổng công ty; đồng thời khai thác ngày một tốt hơn hệ thống mạng lưới phân phối riêng có của hệ thống Petrolimex, tạo sự phát triển ổn định và bền vững;
- Tăng cường công tác quản lý hoạt động của các công ty con, các chi nhánh trực thuộc nhằm gia tăng sản lượng xuất bán, gia tăng thị phần và nâng cao hiệu quả kinh doanh;

❖ *Đối với công tác đầu tư cơ sở vật chất ngành hàng:*

Hội đồng quản trị đã thường xuyên giám sát tiến độ triển khai các dự án đầu tư đã được phê duyệt để đảm bảo có thể đưa vào khai thác và phát huy hiệu quả. Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật trong toàn Tổng công ty, nhờ đó chất lượng sản phẩm được nâng cao, công tác quản lý hàng hóa đã được cải thiện rõ rệt, không còn hiện tượng thiếu hàng tại các kho, trạm của Tổng công ty.

❖ *Công tác hoàn thiện các quy chế quản lý:*

Trong năm, Hội đồng quản trị đã sửa đổi các quy chế quản lý cho phù hợp với những quy định mới của pháp luật và tình hình mới của Tổng công ty. Các quy chế đã được sửa đổi: Quy chế đánh giá hiệu quả hoạt động của các công ty thành viên; Quy chế tiền lương ... Đồng thời, Hội đồng quản trị cũng đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện rà soát, sửa đổi các quy chế quản lý thuộc thẩm quyền của Ban điều hành cho phù hợp với những quy định mới....;

Tiếp tục chỉ đạo các công ty TNHH thành viên triển khai xây dựng, giao khoán tiền lương sâu, triệt để cho từng Phòng/ban thuộc khối văn phòng; từng Chi nhánh, cửa hàng và các bộ phận, tổ đội trực thuộc khối Chi nhánh/Cửa hàng trên nguyên tắc thống nhất về chi tiêu giao đơn giá tiền lương, các đơn vị có điều kiện như nhau thì đơn giá tiền lương bằng nhau và có tính các yếu tố đặc thù về lợi thế thương mại, lịch sử...

❖ *Đánh giá hoạt động quản lý, giám sát năm 2018:*

- Trong năm 2018, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và việc chấp hành các chế độ chính sách của Đảng và Nhà Nước. Tại các phiên họp của HĐQT, trên cơ sở báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh do Ban điều hành trình bày, HĐQT đã kịp thời ban hành các Nghị quyết, Quyết định và các quy định phù hợp với điều kiện vận hành của Tổng công ty trong từng giai đoạn. Thông qua các Nghị quyết, Quyết định, HĐQT đã nêu ra các định hướng, giải pháp đúng đắn và kịp thời để chỉ đạo hoạt động của Tổng công ty đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và giao nhiệm vụ.
- Thường xuyên rà soát việc thực hiện Điều lệ và tổ chức hoạt động của Tổng công ty cũng như các Quy chế quản lý của Tổng công ty đảm bảo sự phù hợp với tình hình phát triển của Tổng công ty. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các Quy chế đã ban hành; thường xuyên xem xét các kiến nghị của Tổng giám đốc để có những điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp.
- Tiếp tục thực hiện chính sách phát triển mạng lưới qua các công ty xăng dầu trong hệ thống của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam, năm 2018 HĐQT đã chỉ đạo thực hiện hỗ trợ các công ty xăng dầu phát triển thị trường, gia tăng thị phần đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững; thực hiện sắp xếp lại công tác quản lý các chi nhánh cho phù hợp với yêu cầu phát triển của thị trường, giảm thiểu việc cạnh tranh nội bộ trong Tổng công ty, nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh trên thị trường.
- Đối với công tác đầu tư xây dựng: HĐQT luôn bám sát tình hình triển khai thực hiện các dự án đầu tư lớn, kịp thời ban hành các Nghị quyết điều chỉnh, thay đổi nhằm tạo điều kiện đầy nhanh công tác triển khai các dự án đầu tư.

❖ *Nghị quyết đã được HĐQT ban hành trong năm 2018*

Trong năm 2018, thông qua các phiên họp hoặc dưới hình thức tập trung, trực tiếp, hoặc thông qua hình thức xin ý kiến bằng văn bản, HĐQT đã ban hành 24 Nghị quyết theo đúng các quy định hiện hành của Pháp luật và của Tổng công ty, cụ thể:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	001/PGC-NQ-HĐQT	22/01/2018	Bổ sung quỹ tiền lương để chi thưởng
2	002/PGC-NQ-HĐQT	23/01/2018	Quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ
3	004/PGC-NQ-HĐQT	06/02/2018	Tạm giao kế hoạch SXKD năm 2018 – PGC
4	006/PGC-NQ-HĐQT	06/02/2018	Tạm giao kế hoạch SXKD năm 2018 các Cty thành viên
5	008/PGC-NQ-HĐQT	06/02/2018	Bổ nhiệm cán bộ
6	015/PGC-NQ-HĐQT	09/02/2018	Lấy phiếu tín nhiệm Quy hoạch cán bộ
7	016/PGC-NQ-HĐQT	21/03/2018	Chốt DS cổ đông để tổ chức ĐHCĐ 2018 và ứng cổ tức 2017

8	018/PGC-NQ-HĐQT	26/03/2018	Bổ sung kế hoạch ĐTXD 2018 cho PGC SG 01 xe tải 1.8 tấn
9	019/PGC-NQ-HĐQT	29/03/2018	Phê duyệt quy hoạch cán bộ giai đoạn 2018-2022
10	020/PGC-NQ-HĐQT	04/04/2018	Làm thủ tục bổ nhiệm lại đối với Chủ tịch kiêm giám đốc PGC Hà Nội
11	022/PGC-NQ-HĐQT	16/04/2018	Phê duyệt quyết toán công trình: Di dời trạm Thượng lý và mở rộng nhà máy LPG Hải Phòng
12	023/PGC-NQ-HĐQT	16/04/2018	Bổ nhiệm lại Chủ tịch kiêm giám đốc PGC Hà Nội đối với Ông Phan Bá Thuật
13	030/PGC-NQ-HĐQT	31/05/2018	Sửa đổi Quy chế đánh giá hiệu quả hoạt động Công ty TNHH Gas Petrolimex thành viên và xếp loại các công ty năm 2017
14	031/PGC-NQ-HĐQT	31/05/2018	Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017
15	037/PGC-NQ-HĐQT	14/06/2018	Chi tiền thưởng người quản lý Tổng công ty năm 2017
16	040/PGC-NQ-HĐQT	17/07/2018	Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018
17	048/PGC-NQ-HĐQT	23/07/2018	Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC 2018
18	051/PGC-NQ-HĐQT	08/08/2018	Mua quyền sử dụng đất và tài sản trên đất để làm CH02 cho PGC Hải phòng
19	053/PGC-NQ-HĐQT	04/09/2018	Phê duyệt quyết toán công trình trạm chiết nạp Sơn La
20	056/PGC-NQ-HĐQT	20/09/2018	Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, bản vẽ thiết kế và dự toán công trình xây dựng: Nhà văn phòng PGC Cần Thơ
21	059/PGC-NQ-HĐQT	18/10/2018	Bổ nhiệm cán bộ
22	060/PGC-NQ-HĐQT	25/10/2018	Điều chỉnh hệ thống bảng lương vị trí/ chức danh công việc và phụ cấp lương đối với người lao động của TCT PGC
23	062/PGC-NQ-HĐQT	01/11/2018	Bổ nhiệm cán bộ
24	069/PGC-NQ-HĐQT	25/12/2018	Bổ sung quỹ tiền lương để chi thưởng cho người lao động

d) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Các thành viên Hội đồng quản trị đều có chứng nhận đào tạo về quản trị công ty.

## 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên Ban kiểm soát:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP sở hữu
1	Kiều Văn Chiến	Trưởng Ban Kiểm soát Chuyên trách	0 CP
2	Lê Thị Hải	Thành viên Ban Kiểm soát Chuyên trách	19 CP
3	Đoãn Duy Đạo	Thành viên Ban Kiểm soát Kiểm nhiệm	3,073 CP

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban Kiểm soát Tổng công ty đã thực hiện Kiểm soát Tổng công ty theo đúng Luật Doanh nghiệp, đúng Điều lệ Tổng công ty qui định.
  - Ban Kiểm soát tuân thủ quy định tiến hành các cuộc họp thường kỳ hàng quý, ngoài ra còn thường xuyên gặp gỡ, trao đổi để thực hiện công việc trong công tác kiểm soát.
  - Ban Kiểm soát đã bám sát các nội dung được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018. Giám sát tính thực thi nội dung những quyết nghị của Hội đồng quản trị sau mỗi phiên họp;
  - Tham dự 100% các cuộc họp định kỳ của HĐQT và đưa ra các ý kiến góp ý trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn;
  - Tham dự các phiên họp giao ban, họp theo chuyên đề của Ban Điều hành để tham gia ý kiến đối với việc chi đạo hoạt động SXKD.
  - Xem xét các báo cáo tổng kết tài chính, kinh doanh hàng tháng, quý do Ban điều hành chuẩn bị để kịp thời cập nhật thông tin cho công tác kiểm soát;
  - Xem xét và có ý kiến về những vấn đề được đưa ra trong báo cáo của Kiểm toán độc lập, Báo cáo gửi các cơ quan chức năng;
  - Thực hiện kiểm tra định kỳ và kiểm tra chuyên đề, đã đánh giá toàn diện tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018 và việc triển khai một số chính sách lớn trong công tác kinh doanh như: Công tác hỗ trợ bán hàng, thực hiện cơ chế khoán toàn diện đối với các cửa hàng, chi nhánh, quản lý vô bình, quản lý nguồn hàng, quản lý công nợ... Sau kiểm tra đã có kiến nghị kịp thời với HĐQT và Ban Điều hành đối với những vấn đề còn tồn tại, những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung.
3. *Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, ban kiểm soát*
- a) Lương, thù lao:
- Việc trả tiền lương, tiền thưởng và các thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc được trả theo quy chế tiền lương, tiền thưởng và các quy định hiện hành của Tổng công ty gắn với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
  - Ban quản lý điều hành Tổng công ty được thưởng từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên 2018 là: **802.951.890** đồng;
  - Các thu nhập khác thực hiện theo quy định về chính sách đối với người lao động của Nhà nước và của Tổng công ty.
  - Căn cứ Báo cáo quyết toán quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của HĐQT, BKS và Ban điều hành năm 2018 Tổng công ty dự kiến trình ĐHĐCĐ thường niên 2019 thông qua. Tiền lương và thù lao của HĐQT, BKS và Ban điều hành năm 2018 dự kiến được trả như sau:



- + Tổng tiền lương của Ban Tổng giám đốc: 3.042 triệu đồng
  - + Tổng thù lao, tiền lương của HĐQT, BKS: 2.552 triệu đồng
- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có giao dịch.
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.
- d) Việc thực hiện các qui định về quản trị công ty

Để tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị, trong năm qua, HĐQT đã tiếp tục xem xét, đánh giá và hoàn thiện hệ thống nội quy, quy chế, từng bước nghiên cứu, áp dụng phương pháp quản trị tiên tiến.

## V. Báo cáo tài chính

### 1. Ý kiến kiểm toán

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Gas Petrolimex-CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."

*(Trích dẫn từ báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã kiểm toán)*

### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Đính kèm sau)

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX-CTCP



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Nhị Hồng Hạnh*



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thông tin về Công ty**

**Các văn bản thành lập**

Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101447725 cấp lần đầu ngày 14 tháng 1 năm 2004 và thay đổi lần thứ 16 ngày 6 tháng 7 năm 2017.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Trịnh Quang Vinh	Chủ tịch
Ông Vũ Hồng Khánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Dũng	Ủy viên
Ông Phan Phương Anh	Ủy viên
Ông Trần Vũ Nam	Ủy viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Kiều Văn Chiến	Trưởng ban
Ông Doãn Duy Đạo	Thành viên
Bà Lê Thị Hải	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Vũ Hồng Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Công	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/11/2018)

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 20, Tòa nhà Mipecc Tower  
Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa  
Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Vũ Hồng Khánh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, **25-03-2019**



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 25-03-2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-02-00137-19-2



Wang Loan Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0557-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0861-2018-007-1

Hà Nội, 25-03-2019

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>1.258.287.929.810</b>	<b>1.526.155.843.679</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>54.075.074.424</b>	<b>70.740.984.092</b>
Tiền	111		54.075.074.424	70.740.984.092
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>690.310.000.000</b>	<b>953.610.000.000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	2.610.000.000	2.610.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5(a)	(1.600.000.000)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	689.300.000.000	951.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>313.632.584.059</b>	<b>324.914.017.091</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	297.273.577.308	290.256.557.376
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.731.269.227	3.445.178.829
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	19.940.697.570	40.521.918.077
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(8.312.960.046)	(9.309.637.191)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>157.461.009.254</b>	<b>147.138.062.837</b>
Hàng tồn kho	141		158.503.402.019	150.149.534.190
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.042.392.765)	(3.011.471.353)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>42.809.262.073</b>	<b>29.752.779.659</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.478.917.065	2.757.611.666
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		36.489.342.472	24.436.178.505
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	1.841.002.536	2.558.989.488

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>740.271.085.475</b>	<b>782.030.632.761</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>447.246.338</b>	<b>632.941.246</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	267.696.930	453.391.838
Phải thu dài hạn khác	216		179.549.408	179.549.408
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>408.691.183.069</b>	<b>440.741.618.121</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	356.119.166.190	390.539.806.739
Nguyên giá	222		847.626.407.317	826.946.105.553
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(491.507.241.127)	(436.406.298.814)
Tài sản cố định vô hình	227	11	52.572.016.879	50.201.811.382
Nguyên giá	228		64.472.605.592	61.966.355.592
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.900.588.713)	(11.764.544.210)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>12</b>	<b>7.191.291.209</b>	<b>7.373.884.541</b>
Nguyên giá	231		9.043.165.265	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.851.874.056)	(1.669.280.724)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.899.285.450</b>	<b>6.328.932.989</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	1.899.285.450	6.328.932.989
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>322.042.079.409</b>	<b>326.953.255.864</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	316.270.223.562	320.819.638.616
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		5.771.855.847	6.133.617.248
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.998.559.015.285</b>	<b>2.308.186.476.440</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.146.061.765.973</b>	<b>1.517.053.326.710</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.012.164.485.688</b>	<b>1.366.706.698.187</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	156.740.316.392	202.650.702.339
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.431.439.704	3.876.119.382
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	15.185.223.615	16.369.531.764
Phải trả người lao động	314		46.247.723.597	67.813.237.655
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		5.123.038.787	3.752.759.506
Phải trả ngắn hạn khác	319	17(a)	10.754.989.657	11.432.744.592
Vay ngắn hạn	320	18	764.780.084.197	1.040.583.668.444
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	16.884.544.931
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	3.901.669.739	3.343.389.574
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>133.897.280.285</b>	<b>150.346.628.523</b>
Phải trả dài hạn khác	337	17(b)	133.897.280.285	150.346.628.523
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>852.497.249.312</b>	<b>791.133.149.730</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>852.497.249.312</b>	<b>791.133.149.730</b>
Vốn cổ phần	411	21	603.426.380.000	603.426.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		603.426.380.000	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ	415	21	(49.700.000)	(49.700.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	91.921.802.575	33.880.747.127
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		145.374.854.809	139.521.149.338
- Lũy kế đến cuối năm trước	421a		(2.291.815.238)	(2.613.010.794)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		147.666.670.047	142.134.160.132
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		11.823.911.928	14.354.573.265
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.998.559.015.285</b>	<b>2.308.186.476.440</b>

Người lập:

25-03-2019



Phan Quang Thành  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Thị Vân Chi  
Kế toán trưởng



Vũ Hồng Khánh  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****Mẫu B 02 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>25</b>	<b>3.294.650.988.270</b>	<b>2.986.910.515.110</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>25</b>	<b>33.531.357.762</b>	<b>28.419.152.527</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>25</b>	<b>3.261.119.630.508</b>	<b>2.958.491.362.583</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>26</b>	<b>2.630.462.667.111</b>	<b>2.326.443.957.469</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>630.656.963.397</b>	<b>632.047.405.114</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	56.383.620.555	58.155.386.214
Chi phí tài chính	22	28	52.004.295.655	48.123.045.111
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>47.021.453.091</i>	<i>46.733.088.751</i>
Chi phí bán hàng	25	29	351.064.313.971	331.246.358.268
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	98.844.830.149	130.909.242.791
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>185.127.144.177</b>	<b>179.924.145.158</b>
Thu nhập khác	31		8.353.450.751	12.216.117.276
Chi phí khác	32		1.153.483.105	1.434.467.542
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>7.199.967.646</b>	<b>10.781.649.734</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) (mang sang trang sau)</b>	<b>50</b>		<b>192.327.111.823</b>	<b>190.705.794.892</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)****Mẫu B 02 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) (mang sang từ trang trước)</b>	50		192.327.111.823	190.705.794.892
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	51	32	39.050.539.104	38.677.928.207
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	52	32	361.761.401	961.094.416
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	60		152.914.811.318	151.066.772.269
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông của công ty mẹ	61		147.666.670.047	142.134.160.133
Cổ đông không kiểm soát	62		5.248.141.271	8.932.612.136
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	2.447	2.356

Người lập:

25-03-2019


Phan Quang Thành  
Kế toán tổng hợp

Đỗ Thị Vân Chi  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Vũ Hồng Khánh  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>192.327.111.823</b>	<b>190.705.794.892</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	62.646.872.339	60.553.103.573
Các khoản dự phòng	03	(18.250.300.664)	(3.914.765.938)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(283.955.834)	(80.876.412)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(54.910.318.128)	(54.826.098.464)
Chi phí lãi vay	06	47.021.453.091	46.733.088.751
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>228.550.862.627</b>	<b>239.170.246.402</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(14.058.263.664)	(61.098.625.395)
Biến động hàng tồn kho	10	(8.231.865.635)	(23.851.606.976)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(68.802.778.997)	37.439.378.813
Biến động chi phí trả trước	12	1.615.166.067	13.205.417.600
		<b>139.073.120.398</b>	<b>204.864.810.444</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(46.940.338.470)	(46.610.451.751)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(43.526.793.692)	(33.927.092.313)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(11.538.427.093)	(12.019.594.300)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>37.067.561.143</b>	<b>112.307.672.080</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

**Mẫu B 03 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(30.658.181.147)	(64.103.364.098)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.255.724.263	474.843.117
Tiền gửi có kỳ hạn	23	(1.245.400.000.000)	(970.000.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	24	1.507.100.000.000	719.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cô tức	27	69.221.614.274	64.601.007.629
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>301.519.157.390</b>	<b>(250.027.513.352)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	2.657.976.905.081	2.103.225.249.052
Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.933.780.489.328)	(1.874.870.194.968)
Tiền trả cổ tức	36	(79.450.247.278)	(80.243.387.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(355.253.831.525)</b>	<b>148.111.666.884</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(16.667.112.992)</b>	<b>10.391.825.612</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>70.740.984.092</b>	<b>60.349.158.480</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>1.203.324</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)</b>	<b>70</b>	<b>54.075.074.424</b>	<b>70.740.984.092</b>

Người lập:



Phan Quang Thành  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Thị Vân Chi  
Kế toán trưởng



Vũ Hồng Khánh  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

## **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCĐN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 22 tháng 2 năm 2016 với số vốn điều lệ là 603.426.380.000 VND.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGC.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

### **(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vô bình gas); và kiểm định, bảo dưỡng các loại vô bình gas.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

## Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có 6 công ty con (1/1/2018: 6 công ty con) như sau:

		31/12/2018 và 1/1/2018	
			% sở hữu và % quyền biểu quyết
	Hoạt động chính	Địa chỉ	
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Kinh doanh gas hóa lỏng	TP. Hồ Chí Minh	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Kinh doanh gas hóa lỏng	Đà Nẵng	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Kinh doanh gas hóa lỏng	Hải Phòng	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Kinh doanh gas hóa lỏng	Hà Nội	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Kinh doanh gas hóa lỏng	Cần Thơ	100%
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	Sản xuất, sửa chữa, lắp đặt bình gas	TP. Hồ Chí Minh	51%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty và các công ty con có 1.080 nhân viên (1/1/2018: 1.117 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

#### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

#### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### (d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### **(a) Cơ sở hợp nhất**

##### **(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

##### **(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

##### **(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các sổ dư và giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) hoặc bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **(c) Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.



## **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(d) Các khoản đầu tư**

##### **(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

##### **(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

#### **(g) Tài sản cố định hữu hình**

##### **(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

## Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30 năm
▪ Máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	8 - 10 năm
▪ Dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
▪ Tài sản khác	3 - 5 năm

#### (h) **Tài sản cố định vô hình**

##### (i) **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất phản ánh quyền sử dụng đất cho các lô đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm. Không tính khấu hao cho các lô đất mà Tổng Công ty và các công ty con có quyền sử dụng đất vô thời hạn.

##### (ii) **Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 4 đến 10 năm.

##### (i) **Bất động sản đầu tư**

###### **Bất động sản đầu tư cho thuê**

###### *Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

###### *Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Quyền sử dụng đất	48 năm
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	48 năm

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(j) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Vô bình gas**

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vô bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vô bình gas được nhận. Theo đó, vô bình gas được ghi nhận theo giá gốc ban đầu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

**(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 488 tháng.

**(iii) Chi phí trả trước khác**

Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí đền bù đất phát sinh liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê cho các hoạt động sản xuất và gia công, công cụ dụng cụ, bảo hiểm cháy nổ và các chi phí trả trước khác.

Chi phí đền bù đất được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng thuê đất là 45 năm.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Chi phí bảo hiểm cháy nổ và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 3 năm tùy theo hợp đồng bảo hiểm.

**(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

## **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

#### **(n) Vốn cổ phần**

##### **(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

##### **(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

#### **(o) Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iv) Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas**

Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas được phân bổ từ số tiền ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

**(v) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(vi) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập

**(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(r) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

## Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (s) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và trong năm kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

#### (t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh gas hóa lỏng và một khu vực địa lý là Việt Nam do các điều kiện kinh tế, chính trị và pháp luật là tương tự như nhau.

#### (u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ của Tổng Công ty (Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

## 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền mặt	4.454.514.515	7.265.497.129
Tiền gửi ngân hàng	49.620.559.909	63.429.485.963
Tiền đang chuyển	-	46.001.000
	<hr/>	<hr/>
	54.075.074.424	70.740.984.092

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Các khoản đầu tư tài chính****(a) Chứng khoán kinh doanh**

	Số lượng	31/12/2018		
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu Tổng Công ty Dệt may Hà Nội	100.000	2.610.000.000	1.010.000.000	(1.600.000.000)
<hr/>				
	Số lượng	1/1/2018		
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu Tổng Công ty Dệt may Hà Nội	100.000	2.610.000.000	(*)	-

- (\*) Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	689.300.000.000	700.893.695.000
<hr/>		
	1/1/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	951.000.000.000	977.347.180.555

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán**

	<b>31/12/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Ngắn hạn	297.273.577.308	290.256.557.376
Dài hạn	267.696.930	453.391.838
	<hr/>	<hr/>
	297.541.274.238	290.709.949.214

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>31/12/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	58.149.076.656	59.192.074.255

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi	11.593.695.000	26.347.180.555
Phải thu người lao động	725.316.750	4.672.569.192
Phải thu ngắn hạn khác	7.621.685.820	9.502.168.330
	<hr/>	<hr/>
	19.940.697.570	40.521.918.077



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**8. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	31/12/2018			1/1/2018				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>								
Công ty TNHH ITG – Phong Phú	Trên 5 năm	2.467.346.164	(2.467.346.164)	-	Trên 5 năm	2.467.346.164	(2.467.346.164)	-
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng KJ	Trên 5 năm	1.751.495.029	(1.751.495.029)	-	Trên 5 năm	1.751.495.029	(1.751.495.029)	-
Công ty TNHH Sản xuất Xích chuyên dụng Việt Nam	Trên 5 năm	1.242.815.533	(1.242.815.533)	-	Trên 5 năm	1.242.815.533	(1.242.815.533)	-
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng đến 1 năm	776.565.467	(232.969.640)	543.595.827	Từ 6 tháng đến 1 năm	54.299.491	(16.289.846)	38.009.645
Các khách hàng khác	Từ 1 năm đến 2 năm	26.307.055	(13.153.527)	13.153.528	Từ 1 năm đến 2 năm	160.037.224	(80.018.612)	80.018.612
Các khách hàng khác	Từ 2 năm đến 3 năm	54.282.800	(37.997.960)	16.284.840	Từ 2 năm đến 3 năm	281.895.895	(197.327.127)	84.568.768
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	2.567.182.193	(2.567.182.193)	-	Trên 3 năm	3.554.344.880	(3.554.344.880)	-
		<b>8.885.994.241</b>	<b>(8.312.960.046)</b>	<b>573.034.195</b>		<b>9.512.234.216</b>	<b>(9.309.637.191)</b>	<b>202.597.025</b>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi  
 – ngắn hạn

(8.312.960.046)

(9.309.637.191)

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Hàng tồn kho**

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	49.602.296.760	-	30.273.082.158	-
Nguyên vật liệu	43.466.993.477	(1.042.392.765)	42.531.573.811	(3.011.471.353)
Công cụ và dụng cụ	1.084.466.175	-	230.742.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.191.709.873	-	4.162.433.480	-
Thành phẩm	875.804.965	-	749.564.232	-
Hàng gửi đi bán	-	-	938.903.332	-
Hàng hóa	55.282.130.769	-	71.263.235.177	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	158.503.402.019	(1.042.392.765)	150.149.534.190	(3.011.471.353)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có 1.766 triệu VND nguyên vật liệu (1/1/2018: 4.302 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	460.278.119.820	251.228.788.049	100.960.547.097	10.912.258.415	3.566.392.172	826.946.105.553
Tăng trong năm	2.970.000.539	1.873.267.123	3.088.121.182	548.363.818	-	8.479.752.662
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13)	8.417.855.484	4.673.618.602	4.466.974.545	156.386.000	165.651.000	17.880.485.631
Thanh lý	(968.268.463)	(1.684.318.062)	(2.696.115.381)	(133.636.363)	-	(5.482.338.269)
Giảm khác	-	(197.598.260)	-	-	-	(197.598.260)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>470.697.707.380</b>	<b>255.893.757.452</b>	<b>105.819.527.443</b>	<b>11.483.371.870</b>	<b>3.732.043.172</b>	<b>847.626.407.317</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	215.736.617.443	149.439.568.077	59.017.147.873	9.991.952.428	2.221.012.993	436.406.298.814
Khấu hao trong năm	17.995.462.199	32.554.192.217	8.660.477.760	490.390.885	144.818.733	59.845.341.794
Thanh lý	(837.591.894)	(1.684.318.062)	(2.013.257.096)	(133.636.363)	-	(4.668.803.415)
Giảm khác	-	(75.596.066)	-	-	-	(75.596.066)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>232.894.487.748</b>	<b>180.233.846.166</b>	<b>65.664.368.537</b>	<b>10.348.706.950</b>	<b>2.365.831.726</b>	<b>491.507.241.127</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	244.541.502.377	101.789.219.972	41.943.399.224	920.305.987	1.345.379.179	390.539.806.739
Số dư cuối năm	237.803.219.632	75.659.911.286	40.155.158.906	1.134.664.920	1.366.211.446	356.119.166.190

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 123.856 triệu VND (1/1/2018: 101.069 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 11.926 triệu VND (1/1/2018: Không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của một công ty con của Tổng Công ty (Thuyết minh 18).

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	51.414.779.956	10.551.575.636	61.966.355.592
Tăng trong năm	2.506.250.000	-	2.506.250.000
Số dư cuối năm	53.921.029.956	10.551.575.636	64.472.605.592
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	2.173.764.002	9.590.780.208	11.764.544.210
Khấu hao trong năm	115.022.988	21.021.515	136.044.503
Số dư cuối năm	2.288.786.990	9.611.801.723	11.900.588.713
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	49.241.015.954	960.795.428	50.201.811.382
Số dư cuối năm	51.632.242.966	939.773.913	52.572.016.879

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản cố nguyên giá 10.552 triệu VND (1/1/2018: 10.450 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Bất động sản đầu tư****Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm và cuối năm	6.957.405.470	2.085.759.795	9.043.165.265
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.229.070.001	440.210.723	1.669.280.724
Khấu hao trong năm	139.140.000	43.453.332	182.593.332
Số dư cuối năm	1.368.210.001	483.664.055	1.851.874.056
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	5.728.335.469	1.645.549.072	7.373.884.541
Số dư cuối năm	5.589.195.469	1.602.095.740	7.191.291.209

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 50 năm và giá trị xây lắp đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại địa chỉ 322 Điện Biên Phủ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời gian khấu hao trong 48 năm tương ứng với diện tích Tổng Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>31/12/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	6.328.932.989	5.742.178.561
Tăng trong năm	13.450.838.092	31.387.153.273
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10)	(17.880.485.631)	(30.800.398.845)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.899.285.450	6.328.932.989

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Máy móc thiết bị	312.664.600	4.519.070.023
Công trình văn phòng Cần Thơ	144.378.182	144.378.182
Nhà máy LPG Sài Gòn	-	1.355.620.000
Cải tạo chi nhánh Phú Thọ	1.227.145.954	-
Khác	215.096.714	309.864.784
	<hr/>	<hr/>
	1.899.285.450	6.328.932.989

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Vô bình gas</b> <b>VND</b>	<b>Chi phí</b> <b>đặt trả trước</b> <b>VND</b>	<b>Khác</b> <b>VND</b>	<b>Tổng cộng</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	272.695.920.164	27.151.850.494	20.971.867.958	320.819.638.616
Tăng trong năm	57.970.528.279	1.269.949.122	8.870.957.796	68.111.435.197
Phân bổ trong năm	(59.177.431.717)	(2.482.892.710)	(9.257.272.166)	(70.917.596.593)
Thanh lý	(1.610.304.311)	-	(132.949.347)	(1.743.253.658)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	269.878.712.415	25.938.906.906	20.452.604.241	316.270.223.562

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Phải trả người bán ngắn hạn****(a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam		
– Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	21.525.290.361	31.021.161.135
Công ty TNHH EI Corporation	41.981.492.780	51.551.157.800
PTT International Trading PTE Ltd	69.462.073.249	57.798.169.926
SK Gas Co., Ltd	-	38.536.825.340
Các nhà cung cấp khác	23.771.460.002	23.743.388.138
	<hr/>	<hr/>
	156.740.316.392	202.650.702.339

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	1.272.964.419	1.216.202.178

Khoản phải trả người bán đối với các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không cố đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2018		Số phát sinh trong năm VND		Số bù trừ/dã nộp trong năm VND		31/12/2018	
	Phải thu VND	Phải trả VND			Phải thu VND	Phải trả VND	Phải thu VND	Phải trả VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.868.610.149	942.896.168.201	(942.916.793.354)	-	-	-	2.847.984.996
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	(878.511.695)	-	192.866.118.379	(191.184.227.952)	-	-	-	803.378.732
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(14.923.298)	12.292.597.260	39.050.539.104	(43.526.793.692)	(57.736.132)	7.859.155.506	(57.736.132)	7.859.155.506
Thuế thu nhập cá nhân	(1.665.554.495)	736.514.300	7.507.528.971	(7.684.230.011)	(1.783.266.404)	677.525.169	(1.783.266.404)	677.525.169
Thuế nhập khẩu	-	290.937.055	79.952.960.307	(77.427.591.150)	-	-	-	2.816.306.212
Thuế khác	-	180.873.000	474.778.000	(474.778.000)	-	-	-	180.873.000
	(2.558.989.488)	16.369.531.764	1.262.748.092.962	(1.263.214.414.159)	(1.841.002.536)	15.185.223.615	(1.841.002.536)	15.185.223.615



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	1.580.109.142	1.565.190.026
Cổ tức phải trả	294.676.820	290.919.620
Chi phí thuê dùng chung kho bãi	-	318.647.560
Phải trả ngắn hạn khác	8.880.203.695	9.257.987.386
	<hr/> 10.754.989.657	<hr/> 11.432.744.592

**(b) Phải trả dài hạn khác**

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

**18. Vay ngắn hạn**

	<b>1/1/2018</b> <b>Giá trị ghi sổ</b> <b>và số có</b> <b>khả năng trả nợ</b> <b>VND</b>	<b>Biến động trong năm</b>		<b>31/12/2018</b> <b>Giá trị ghi sổ</b> <b>và số có</b> <b>khả năng trả nợ</b> <b>VND</b>
		<b>Tăng</b> <b>VND</b>	<b>Giảm</b> <b>VND</b>	
Vay ngắn hạn	1.040.583.668.444	2.657.976.905.081	(2.933.780.489.328)	764.780.084.197
				<hr/> 764.780.084.197

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	VND	64.792.982.587	291.119.216.237
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (ii)	VND	-	295.716.578.405
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (iii)	VND	101.228.844.926	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (iv)	VND	124.219.156.902	185.497.464.580
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (v)	VND	-	54.432.100.190
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (vi)	VND	145.875.298.801	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. HCM (vii)	VND	10.600.000.000	-
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (viii)	VND	318.063.800.981	213.818.309.032
		<b>764.780.084.197</b>	<b>1.040.583.668.444</b>

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa theo Hợp đồng tín dụng số 190/2017-HĐCVHM/NHCT126 ký ngày 23 tháng 11 năm 2017. Khoản vay này có thể giải ngân bằng Đồng Việt Nam (“VND”) hoặc Đô la Mỹ (“USD”). Mục đích sử dụng của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng quy định trên từng giấy nhận nợ. Lãi thanh toán vào ngày 25 hàng tháng. Gốc trả được quy định trên từng giấy nhận nợ. Đây là khoản vay tín chấp.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng số VHN 150784 ký ngày 7 tháng 4 năm 2015 theo hình thức vay luân chuyển. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Đây là khoản vay tín chấp.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam theo Hợp đồng số 01/2017/1230718/HĐTD ký ngày 27 tháng 6 năm 2017, kèm theo văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 28 tháng 6 năm 2018. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Đây là khoản vay tín chấp.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng số KHPGC160108/HĐCTD.VCB, phụ lục số 0217/SDCTD/PGC-VCB ký ngày 22 tháng 12 năm 2017. Khoản vay này có thể giải ngân bằng VND hoặc USD. Mục đích sử dụng của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động, tài trợ thương mại và các mục đích khác không trái với quy định của pháp luật. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi trả vào ngày 25 hàng tháng. Thời hạn cấp tín dụng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho tới hết ngày 20 tháng 3 năm 2018. Đây là khoản vay tín chấp.

## Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (v) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng số 130000641398 ký ngày 11 tháng 4 năm 2017. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Đây là khoản vay tín chấp.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) theo Hợp đồng số FA.PETROLIMEXGAS.06.2018 ký ngày 27 tháng 6 năm 2018. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Đây là khoản vay tín chấp.
- (vii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. HCM theo Hợp đồng số 0213/KHDN1/16NH ký ngày 15 tháng 12 năm 2016 kèm theo HĐ sửa đổi bổ sung ký ngày 11 tháng 12 năm 2017. Khoản vay này có thể giải ngân bằng VND hoặc USD. Hạn mức vay vốn; 20 tỷ VND, thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 60 tháng. Mục đích sử dụng của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động, tài trợ thương mại và các mục đích khác không trái với quy định của pháp luật. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi trả vào ngày 27 hàng tháng. Các hợp đồng vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. HCM còn hạn mức được đảm bảo bởi một số tài sản cố định với giá trị còn lại là 11.926 triệu VND (Thuyết minh 10).
- (viii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Hội sở chính theo Hợp đồng số 108.0435/2017/HỆTDHM-DN/PGBankHN ký ngày 28 tháng 3 năm 2017. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Đây là khoản vay tín chấp.

## 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	3.343.389.574	3.251.510.537
Trích lập trong năm (Thuyết minh 20)	12.096.707.258	12.111.473.337
Sử dụng trong năm	(11.538.427.093)	(12.019.594.300)
Số dư cuối năm	3.901.669.739	3.343.389.574

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTPC**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2017</b>	603.426.380.000	(49.700.000)	20.254.199.280	94.743.410.308	14.050.703.210	732.424.992.798
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	142.134.160.133	8.932.612.136	151.066.772.269
Phân bổ vào các quỹ	-	-	13.626.547.847	(13.626.547.847)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(11.322.731.256)	(788.742.081)	(12.111.473.337)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(72.407.142.000)	(7.840.000.000)	(80.247.142.000)
<b>Số dư tại ngày 1/1/2018</b>	603.426.380.000	(49.700.000)	33.880.747.127	139.521.149.338	14.354.573.265	791.133.149.730
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	147.666.670.047	5.248.141.271	152.914.811.318
Phân bổ vào các quỹ	-	-	58.041.055.448	(58.041.055.448)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(11.364.767.128)	(731.940.130)	(12.096.707.258)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(72.407.142.000)	(7.046.862.478)	(79.454.004.478)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2018</b>	603.426.380.000	(49.700.000)	91.921.802.575	145.374.854.809	11.823.911.928	852.497.249.312

## Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2018 và 1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	60.342.638	603.426.380.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	60.342.638	603.426.380.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b> Cổ phiếu phổ thông	(3.353)	(49.700.000)
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	60.339.285	603.392.850.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

## 22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

## 23. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 17 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức 72.407 triệu VND (2017: 72.407 triệu VND).

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba**

	<b>31/12/2018</b> VND	<b>1/1/2018</b> VND
Gas giữ hộ bên thứ ba	1.751.783.500	1.694.479.830

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2018</b>		<b>1/1/2018</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Dô la Mỹ (“USD”)	13.701,83	316.745.103	548,84	12.447.552
Euro (“EUR”)	168,10	4.433.470	513,64	13.625.446
		<u>321.178.573</u>		<u>26.072.998</u>

**25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2018</b> VND	<b>2017</b> VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	3.244.422.902.647	2.938.950.004.843
▪ Cung cấp dịch vụ	17.201.819.174	16.173.741.063
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	3.647.269.636	3.622.639.909
▪ Phân bổ tiền ký cược, ký quỹ vô bình gas	29.378.996.813	28.164.129.295
	<u>3.294.650.988.270</u>	<u>2.986.910.515.110</u>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(23.070.125.152)	(22.854.873.466)
▪ Hàng bán bị trả lại	(10.461.232.610)	(5.564.279.061)
	<u>(33.531.357.762)</u>	<u>(28.419.152.527)</u>
Doanh thu thuần	<u>3.261.119.630.508</u>	<u>2.958.491.362.583</u>

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Giá vốn hàng bán**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Bán hàng	2.617.107.459.432	2.313.802.918.935
▪ Cung cấp dịch vụ	13.123.825.987	9.425.597.363
▪ Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	2.200.460.280	2.306.870.117
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.969.078.588)	908.571.054
	<hr/> 2.630.462.667.111	<hr/> 2.326.443.957.469

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi	54.368.128.719	55.269.654.850
Lãi bán hàng trả chậm	4.078.561	142.470.389
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.627.457.441	2.562.384.563
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	283.955.834	80.876.412
Cổ tức được chia	100.000.000	100.000.000
	<hr/> 56.383.620.555	<hr/> 58.155.386.214

**28. Chi phí tài chính**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	47.021.453.091	46.733.088.751
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.382.842.564	1.389.956.360
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	1.600.000.000	-
	<hr/> 52.004.295.655	<hr/> 48.123.045.111

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**29. Chi phí bán hàng**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	76.822.559.622	79.923.333.958
Chi phí khấu hao	4.246.283.247	4.316.170.959
Chi phí phân bổ vô hình gas	59.177.431.717	48.944.343.139
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.817.723.673	67.019.283.013
Chi phí bán hàng khác	138.000.315.712	131.043.227.199
	<hr/>	<hr/>
	351.064.313.971	331.246.358.268

**30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	58.431.506.140	75.094.801.935
Chi phí khấu hao	5.578.433.945	5.950.944.060
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(996.677.145)	(1.499.265.146)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.300.969.994	23.494.653.389
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	14.530.597.215	27.868.108.553
	<hr/>	<hr/>
	98.844.830.149	130.909.242.791

**31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	187.620.977.058	223.262.290.523
Chi phí nhân viên	202.764.052.516	203.927.829.273
Chi phí khấu hao	62.646.872.339	60.553.103.573
Chi phí dịch vụ mua ngoài	159.115.757.510	157.471.211.346
Chi phí khác	190.354.155.210	165.165.828.942
	<hr/>	<hr/>



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**32. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b> Năm hiện hành	39.050.539.104	38.677.928.207
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b> Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	361.761.401	961.094.416
Chi phí thuế thu nhập	<u>39.412.300.505</u>	<u>39.639.022.623</u>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	192.327.111.823	190.705.794.892
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	38.465.422.365	38.141.158.978
Thu nhập không bị tính thuế (*)	(20.000.000)	(20.000.000)
Chi phí không được khấu trừ thuế	966.878.140	1.517.863.645
	<u>39.412.300.505</u>	<u>39.639.022.623</u>

(\*) Đây là các khoản thu nhập từ cổ tức thu được từ các khoản đầu tư vào chứng khoán kinh doanh.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của luật thuế Thu nhập hiện hành, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 147.666.670.047 VND (2017: 142.134.160.133 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 60.339.285 cổ phiếu (2017: 60.339.285 cổ phiếu).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này cho năm tiếp theo. Nếu Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

**34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
<i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
Lợi nhuận phân phối	37.925.158.800	37.925.158.800
<b>Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</b>		
<i>Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế</i>		
Bán hàng hóa	63.015.203.800	54.313.846.800
<i>Công ty Xăng dầu Phú Thọ</i>		
Bán hàng hóa	40.527.903.268	34.907.180.121
<i>Chi nhánh Xăng dầu Quảng Nam</i>		
Bán hàng hóa	44.426.453.200	38.969.471.550
<i>Công ty Xăng dầu Hà Giang</i>		
Bán hàng hóa	33.869.771.844	32.216.251.430
<i>Công ty Xăng dầu Quảng Bình</i>		
Bán hàng hóa	40.006.105.600	35.570.864.900
<i>Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn</i>		
Bán hàng hóa	27.540.550.811	25.099.626.304
<i>Công ty Xăng dầu Nghệ An</i>		
Bán hàng hóa	35.513.455.223	29.208.905.117
<i>Công ty Xăng dầu Quảng Trị</i>		
Bán hàng hóa	31.647.249.300	28.611.162.200

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Giá trị giao dịch**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</b>		
Bán hàng hóa	617.653.813.197	523.782.746.849
<b>Tổng Giám đốc</b>		
Lương và thưởng	912.343.326	958.361.820
<b>Các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc</b>		
Lương và thưởng	2.022.361.039	2.252.990.662
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
Lương và thưởng	2.078.739.177	1.679.849.889
<b>Ban Kiểm soát</b>		
Lương và thưởng	1.068.143.493	1.122.020.531

**35. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Người lập:

**25-03-2019**


Phan Quang Thành  
Kế toán tổng hợp



Đỗ Thị Vân Chi  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Vũ Hồng Khánh  
Tổng Giám đốc